

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	3.5	3.6	3.6	TBKT			1.4	Học lại
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	5.0	5.6	5.4				2.2	Thi lại
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	5.0	5.2	5.1				2.1	Thi lại
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	7.0	4.8	5.5		6.3		6.0	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	6.5	5.6	5.9		5.7		5.8	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	3.5	6.4	5.4		6.3		6.0	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	4.0		1.3	TBKT			0.5	Học lại
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	8.0	5.6	6.4		3.8		4.8	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	8.0	5.6	6.4		6.2		6.3	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	02DD14C1	5.0	3.6	4.1	TBKT			1.6	Học lại
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	4.0	4.8	4.5	TBKT			1.8	Học lại
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	3.5	4.4	4.1	TBKT			1.6	Học lại
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	3.5	4.4	4.1	TBKT			1.6	Học lại
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	7.0	4.8	5.5		4.5		4.9	Đạt
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	4.0	3.6	3.7	TBKT			1.5	Học lại
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	2.5	2.6	2.6	TBKT			1.0	Học lại
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	6.5	5.6	5.9		5.3		5.5	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	3.5	5.6	4.9	TBKT			2.0	Học lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	5.5	4.4	4.8	TBKT			1.9	Học lại
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	3.5	5.6	4.9	TBKT			2.0	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	8.0	5.2	6.1		6.0		6.1	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	6.0	4.8	5.2		4.7		4.9	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	4.5	4.4	4.4	TBKT			1.8	Học lại
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	5.0	4.0	4.3	TBKT			1.7	Học lại
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	6.0	4.4	4.9	TBKT			2.0	Học lại
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	4.5	3.2	3.6	TBKT			1.5	Học lại
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
32	2213360315	Trương Vĩnh	Phát	06/01/2004	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
33	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	8.0	6.4	6.9		7.5		7.3	Đạt
34	2213360242	Đỗ Thiên	Phúc	11/09/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
35	2213360163	Nguyễn Thị Bích	Phượng	18/09/2003	02DD14C1	7.0	5.6	6.1		5.8		5.9	Đạt
36	2213360355	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai	Tâm	25/01/2006	02DD14C1	4.5	4.0	4.2	TBKT			1.7	Học lại
38	2213180006	Phạm Thị Phương	Thanh	12/10/2000	02DD14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
39	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	6.5	5.2	5.6		5.3		5.4	Đạt
40	2213360366	Đỗ Thị Phương	Thảo	15/10/2006	02DD14C1	4.5	6.0	5.5		6.3		6.0	Đạt
41	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	02DD14C1	8.5	5.6	6.6		6.0		6.2	Đạt
42	2213360265	Nguyễn Đình Anh	Thư	01/02/2006	02DD14C1	4.0	7.6	6.4		6.7		6.6	Đạt
43	2213360372	Đỗ Ngọc Minh	Thư	30/07/2006	02DD14C1	5.0	5.2	5.1				2.1	Thi lại
44	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/05/2006	02DD14C1	3.5	6.4	5.4		4.2		4.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
45	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	6.5	3.2	4.3	TBKT			1.7	Học lại
46	2213360295	Ôn Thị Thanh	Trúc	30/06/2006	02DD14C1	4.5	5.6	5.2		5.8		5.6	Đạt
47	2213360127	Nguyễn Quốc	Trung	23/10/2006	02DD14C1	6.0	4.4	4.9	TBKT			2.0	Học lại
48	2213360188	Quan Minh	Trung	20/04/2005	02DD14C1	8.0	7.2	7.5		5.5		6.3	Đạt
49	2213360033	Nguyễn Thảo Vân	Trường	11/04/2005	02DD14C1	6.0	3.6	4.4	TBKT			1.8	Học lại
50	2213360249	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	7.0	4.4	5.3		4.7		4.9	Đạt
51	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	4.5	5.6	5.2		4.5		4.8	Đạt
52	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	4.5	6.0	5.5		5.2		5.3	Đạt
53	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	9.0	6.4	7.3		7.3		7.3	Đạt
54	2213360364	Vương Thị Lan	Vi	29/12/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
55	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	6.5	6.4	6.4		5.3		5.8	Đạt
56	2213360065	Vũ Thùy Phương	Vy	10/04/2006	02DD14C1	6.0	4.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
57	2213360276	Mai Cát Tường	Vy	22/01/2006	02DD14C1	6.0	2.8	3.9	TBKT			1.5	Học lại
58	2213360068	Lê Ngọc Như	Ý	12/12/2006	02DD14C1	5.5	6.0	5.8		4.8		5.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	7.0	6.5	6.7		4.7		5.5	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	7.0	6.5	6.7		3.8		4.9	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		7.2		7.7	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		6.8		7.4	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		7.7		8.0	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	6.0	7.0	6.7		5.2		5.8	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	7.0	7.5	7.3		6.3		6.7	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	7.0	7.5	7.3		6.3		6.7	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		6.7		7.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		7.3		7.7	Đạt
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	7.0	6.0	6.3		5.7		6.0	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	7.0	7.0	7.0		7.8		7.5	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		7.3		7.2	Đạt
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		5.7		6.2	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	8.0	6.0	6.7		5.8		6.1	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	6.0	7.5	7.0		5.0		5.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
32	2213360070	Hà Đăng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		6.0		6.9	Đạt
33	2213360242	Đỗ Thiên	Phúc	11/09/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích	Phượng	18/09/2003	02DD14C1	7.0	8.0	7.7		6.8		7.1	Đạt
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai	Tâm	25/01/2006	02DD14C1	6.0	7.0	6.7		2.2		4.0	Đạt
37	2213180006	Phạm Thị Phương	Thanh	12/10/2000	02DD14A1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.8		6.4	Đạt
39	2213360366	Đỗ Thị Phương	Thảo	15/10/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh	Thư	01/02/2006	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		6.8		7.4	Đạt
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh	Thư	30/07/2006	02DD14C1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/05/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		4.7		5.6	Đạt
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	7.0	7.0	7.0		7.3		7.2	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh	Trúc	30/06/2006	02DD14C1	6.0	7.0	6.7		3.7		4.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
46	2213360127	Nguyễn Quốc Trung	23/10/2006	02DD14C1	6.0	6.0	6.0		2.0		3.6	Thi lại
47	2213360188	Quan Minh Trung	20/04/2005	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân Trường	11/04/2005	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
49	2213360249	Phạm Lê Anh Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	7.0	6.0	6.3		3.8		4.8	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	8.0	8.5	8.3		5.7		6.8	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ Vân	10/02/2003	02DD14A1	8.0	8.5	8.3		5.3		6.5	Đạt
52	2213360234	Ngô Thanh Vân	01/02/2006	02DD14C1	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan Vi	29/12/2006	02DD14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	7.0	8.0	7.7		8.2		8.0	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương Vy	10/04/2006	02DD14C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường Vy	22/01/2006	02DD14C1	6.0	8.0	7.3		4.7		5.8	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như Ý	12/12/2006	02DD14C1	7.0	6.0	6.3		5.7		6.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0			6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	6.0	6.8	6.5		5.3		5.8	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	6.8	7.0	6.9		4.0		5.2	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	6.5	6.8	6.7		7.7		7.3	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	5.8	6.3	6.1		8.0		7.2	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	7.3	7.5	7.4		7.0		7.2	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	6.5	6.8	6.7		9.7		8.5	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	5.8	6.8	6.4		7.8		7.2	Đạt
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	6.5	6.8	6.7		5.0		5.7	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	5.3	6.5	6.1		8.0		7.2	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	02DD14C1	6.5	7.3	7.0		8.2		7.7	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	5.8	6.5	6.3		4.2		5.0	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	5.0	5.8	5.5		3.3		4.2	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	6.8	6.8	6.8		4.8		5.6	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	7.5	7.8	7.7		9.8		8.9	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	6.8	7.5	7.3		9.8		8.8	Đạt
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	6.0	6.8	6.5		5.3		5.8	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	6.5	6.5	6.5		5.0		5.6	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	6.0	7.3	6.8				2.7	Thi lại
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	5.8	6.0	5.9		5.2		5.5	Đạt
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	6.8	7.0	6.9		4.3		5.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc Mai	27/12/2006	02DD14C1	5.0	6.0	5.7		7.2		6.6	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên Nam	16/10/2006	02DD14C1	6.5	6.8	6.7		8.2		7.6	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh Nga	21/02/2002	02DD14A1	5.3	7.0	6.4				2.6	Thi lại
25	2213360129	Vũ Thị Diệu Ngân	28/08/2006	02DD14C1	5.3	5.5	5.4		4.2		4.7	Đạt
26	2213360233	Lê Trần Kim Ngân	16/11/2006	02DD14C1	6.5	6.8	6.7				2.7	Thi lại
27	2213360190	Nay Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo Như	06/9/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh Như	29/01/2006	02DD14C1	6.8	7.3	7.1		4.2		5.4	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến Như	08/03/2006	02DD14C1	6.5	6.8	6.7		8.2		7.6	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh Như	10/01/2006	02DD14C1	5.0		1.7	TBKT			0.7	Học lại
32	2213360315	Trương Vĩnh Phát	06/01/2004	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
33	2213360070	Hà Đặng An Phúc	07/11/2005	02DD14C1	6.8	6.8	6.8		9.5		8.4	Đạt
34	2213360242	Đỗ Thiên Phúc	11/09/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
35	2213360163	Nguyễn Thị Bích Phượng	18/09/2003	02DD14C1	6.5	7.5	7.2		6.8		6.9	Đạt
36	2213360355	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai Tâm	25/01/2006	02DD14C1	5.0	5.0	5.0		6.2		5.7	Đạt
38	2213180006	Phạm Thị Phương Thanh	12/10/2000	02DD14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
39	2213360060	Trịnh Thanh Thanh	12/10/2006	02DD14C1	5.5	6.0	5.8		9.2		7.9	Đạt
40	2213360366	Đỗ Thị Phương Thảo	15/10/2006	02DD14C1	6.0	6.8	6.5		8.7		7.8	Đạt
41	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	21/11/2006	02DD14C1	7.3	7.8	7.6		9.2		8.6	Đạt
42	2213360265	Nguyễn Đình Anh Thư	01/02/2006	02DD14C1	6.0	6.8	6.5		9.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
43	2213360372	Đỗ Ngọc Minh	Thư	30/07/2006	02DD14C1	6.0	6.3	6.2		9.0		7.9	Đạt
44	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/05/2006	02DD14C1	6.3	7.0	6.8		9.3		8.3	Đạt
45	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	6.8	6.8	6.8		8.8		8.0	Đạt
46	2213360295	Ôn Thị Thanh	Trúc	30/06/2006	02DD14C1	5.3	6.3	5.9		8.2		7.3	Đạt
47	2213360127	Nguyễn Quốc	Trung	23/10/2006	02DD14C1	7.5	8.0	7.8		5.5		6.4	Đạt
48	2213360188	Quan Minh	Trung	20/04/2005	02DD14C1	7.3	7.3	7.3		9.0		8.3	Đạt
49	2213360033	Nguyễn Thảo Vân	Trường	11/04/2005	02DD14C1	6.0	6.3	6.2				2.5	Thi lại
50	2213360249	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	6.3	6.0	6.1		7.2		6.8	Đạt
51	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	7.3	7.5	7.4		7.3		7.3	Đạt
52	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	6.8	7.8	7.4				3.0	Thi lại
53	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	6.5	7.3	7.0		6.5		6.7	Đạt
54	2213360364	Vương Thị Lan	Vi	29/12/2006	02DD14C1	5.3	2.5	3.4	TBKT			1.4	Học lại
55	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	6.5	7.5	7.2		9.0		8.3	Đạt
56	2213360065	Vũ Thùy Phương	Vy	10/04/2006	02DD14C1	6.5	6.3	6.3		9.3		8.1	Đạt
57	2213360276	Mai Cát Tường	Vy	22/01/2006	02DD14C1	5.8	6.3	6.1		8.3		7.4	Đạt
58	2213360068	Lê Ngọc Như	Ý	12/12/2006	02DD14C1	6.5	7.5	7.2		8.0		7.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH LÃO KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3			2.9	Thi lại
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		5.0	6.3	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		5.3	6.5	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		7.3	7.3	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	10.0	8.0	8.7		6.0	7.1	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1			0.0	TBKT		0.0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0			3.2	Thi lại
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.5	6.2	Đạt
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.3	6.1	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		6.5	6.8	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hung	28/08/2005	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		7.0	7.1	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		5.8	6.7	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.0	6.8	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		5.0	6.3	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	10.0	8.0	8.7		8.5	8.6	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		8.3	8.3	Đạt
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		4.5	5.6	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3			2.9	Thi lại
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		6.3	6.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH LÃO KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		5.3		6.4	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		5.5		6.5	Đạt
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		4.8		6.1	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
32	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
33	2213360242	Đỗ Thiên	Phúc	11/09/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích	Phượng	18/09/2003	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai	Tâm	25/01/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
37	2213180006	Phạm Thị Phương	Thanh	12/10/2000	02DD14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH LÃO KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
39	2213360366	Đỗ Thị Phương	Thảo	15/10/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh	Thư	01/02/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh	Thư	30/07/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/05/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh	Trúc	30/06/2006	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
46	2213360127	Nguyễn Quốc	Trung	23/10/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
47	2213360188	Quan Minh	Trung	20/04/2005	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân	Trường	11/04/2005	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
49	2213360249	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
52	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	9.0	8.0	8.3		8.3		8.3	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan	Vi	29/12/2006	02DD14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	8.0	8.0	8.0		6.3		7.0	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương	Vy	10/04/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường	Vy	22/01/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như	Ý	12/12/2006	02DD14C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt